

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2020
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thẩm
2. Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bùi Thị Ngọc B – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn Đ – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp TLA, xã TLA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2016. Quá trình chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, không còn tin tưởng lẫn nhau nên đời sống chung không còn hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 06 năm 2019 đến nay. Nay chị B xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Như Quỳnh (nữ), sinh ngày 21/02/2016, hiện cháu Quỳnh đang sống với anh Đ. Sau khi ly hôn chị đồng ý để anh Đ nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị Ngọc B có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định để triệu tập anh Đ đến Tòa án nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chấp nhận cho chị Bùi Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Quỳnh (nữ), sinh ngày 21/02/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh Đ vắng mặt không có ý kiến trình bày nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn Đ do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Do anh Đ có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Giữa chị Bùi Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Tòa án đã mời chị B và anh Đ đến Tòa án để tiến hành hòa giải giúp anh chị hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh Đ không đến Tòa án. Điều này chứng tỏ anh Đ không xem trọng cuộc hôn nhân này. Quá trình tố tụng chị B vẫn kiên quyết ly hôn với anh Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Ba được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

[4] Về con chung: Chị B trình bày chị và anh Đ có 01 con chung Nguyễn Ngọc Như Quỳnh (nữ), sinh ngày 21/02/2016, hiện do anh Đ đang nuôi dưỡng. Chị B đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, nhằm ổn định cuộc sống và chỗ ở cho cháu Quỳnh nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị B giao con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Bùi Thị Ngọc B không ai được quyền cản trở.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Do anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt, không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị B phải chịu là 300.000 đồng.

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Quỳnh (nữ), sinh ngày 21/02/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Bùi Thị Ngọc B không ai được quyền cản trở.

3. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số 0003777 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị B đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã TLA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Á